

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 11 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Học và bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- **Thư ký phiên toà:** Bà La Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Xóm C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại X, Đội Y, Trại giam Z, Bộ Công an. Địa chỉ tại huyện L, tỉnh N. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/9/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị L trình bày: Chị và anh Phan Văn C là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 27/11/2006 tại UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Tình trạng này ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm đến năm 2015 thì anh C bỏ nhà, bỏ vợ con ra ở riêng nên hai người ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ra ở riêng anh C nghiện ma túy, rồi có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt. Hiện đang trong thời gian chấp hành án tại đội Y, phân trại số XX, trại giam Z, Bộ Công an. Chị xác định không còn tình cảm với anh C và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân này

nữa. Mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Phan Văn C. Trong thời kỳ hôn nhân giữa hai vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007 và Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010. Hiện nay hai con đang sống cùng chị L. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng từ anh C. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có xác nhận của Trại giam, bị đơn Phan Văn C xác nhận các vấn đề về tình cảm, con chung, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh C cho rằng hai vợ chồng thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung vì hai tuổi xung khắc nhau. Nay chị L làm đơn yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, anh C hoàn toàn nhất trí. Đồng thời, anh C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị Nông Thị L.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án, lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt của các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị L được ly hôn với anh Phan Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007 và Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010 cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh C. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Phan Văn C có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy,

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Phan Văn C hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa, anh C, chị L đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị L yêu cầu ly hôn anh Phan Văn C, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị L và anh Phan Văn C tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 27/11/2006 tại UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị L và anh C là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, nghiện ma túy. Hiện nay, đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xét thấy việc anh C không chịu tu chí làm ăn, lười lao động và đặc biệt là sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm pháp luật là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Mặt khác tại bản tự khai thì anh C cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị L và anh C có 02 con chung là Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007 và Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay, anh C đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong Trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, hai cháu cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ và khi được hỏi ý kiến thì hai cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, cần giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh C là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Phan Văn C.

2. *Về con chung*: Giao cháu Phan Thái H, sinh ngày 15/3/2007 và Phan Thị Thúy N, sinh ngày 16/3/2010 cho chị Nông Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị L, anh C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND TT L;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng